TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 128/2019/DS-ST
Ngày: 18-11-2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đức Dũng.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Mạnh Hải;

2. Bà Nguyễn Thị Thay.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Cương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên tòa*: Ông Trần Văn Hào – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 285/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2019/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Ngô Văn T, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 5, Khu phố 5, thị trấn Tân B, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn P, sinh năm 1978 và chị Hồng Thị M, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ 6, ấp Hội Ph, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20-8-2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Ngô Văn T trình bày:

Ngày 06-01-2019, anh có cho anh Phạm Văn P vay số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng), có làm giấy cho vay tiền do anh K là người đi làm chung với anh viết giấy nợ, anh P ký tên ghi họ tên bên vay, hẹn 07 ngày sau trả nợ, thỏa thuận lãi suất là

20.000.000 đồng/ 07 ngày. Khi vay tiền anh và anh P thỏa thuận là anh P đưa cho anh 01 chứng minh nhân dân số 290578673, do Công an tỉnh Tây Ninh cấp ngày 07-8-2013 cho Phạm Văn P đứng tên, 01 sổ hộ khẩu đứng tên chủ hộ Phạm Văn P, hồ sơ sổ hộ khẩu số 110003128, 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 263012 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho anh Phạm Văn P, chị Hồng Thị M đứng tên ngày 07-12-2017, tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 63, diện tích 50.452,5 m^2, tọa lạc tại ấp Hội Ph, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh để anh làm thủ tục đáo hạn Ngân hàng cho anh P. Nhưng sau khi anh P trả nợ Ngân hàng An Bình và làm lại thủ tục vay vốn nhưng không vay lại được lý do anh P đang bị khởi kiện, không đăng ký thế chấp được cho nên đến nay anh P không trả được tiền nợ cho anh và anh đang giữ các giấy tờ trên của anh P, chị M.

Từ khi vay đến nay thì anh P, chị M chưa trả cho anh được số tiền nợ gốc nào, có trả cho anh được 02 lần tiền lãi với tổng số tiền 40.000.000 đồng, cụ thể lần thứ nhất ngày 06-01-2019 anh P trả cho anh 20.000.000 đồng, anh có ghi mặt sau Giấy cho vay tiền ngày 06-01-2019 là "ĐƯA TRƯỚC – 20^{T}"; lần thứ hai anh P trả cho anh 20.000.000 đồng nhưng không làm giấy tờ gì.

Theo đơn khởi kiện của anh đề ngày 20-8-2019, anh yêu cầu vợ, chồng anh Phạm Văn P, chị Hồng Thị M có nghĩa vụ trả cho anh số tiền vay 2.000.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 2%/ tháng, tính từ ngày 06-01-2019 đến ngày 13-8-2019 là 289.333.000 đồng, tổng cộng là 2.289.333.000 đồng.

Ngày 16-10-2019 và ngày 15-11-2019, anh có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là anh yêu cầu anh Phạm Văn P, chị Hồng Thị M có nghĩa vụ trả cho anh số tiền vay 2.000.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 06-01-2019 đến ngày 18-11-2019 theo mức lãi suất 0,83%/ tháng X 2.000.000.000 đồng X 10 tháng 12 ngày khấu trừ 40.000.000 đồng tiền lãi anh P đã trả là 132.639.500 đồng, tổng cộng là 2.132.639.500 đồng; anh xin rút lại một phần yêu cầu so với đơn khởi kiện với số tiền 156.693.500 đồng. Ngoài ra, anh không yêu cầu gì khác.

Bị đơn là anh Phạm Văn P trình bày:

Anh thừa nhận ngày 06-01-2019, anh ký giấy vay số tiền 2.000.000.000 đồng của anh Ngô Văn T và anh có đưa cho anh T giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh như anh T trình bày là đúng. Tuy nhiên, anh cho rằng giữa anh và anh T thỏa thuận lãi suất 1.000.000.000 đồng thì mỗi ngày tiền lãi là 5.000.000 đồng, mục đích vay tiền là để đáo hạn Ngân hàng, thời hạn trả nợ là trong vòng 07 ngày. Kể từ khi vay đến nay anh đã trả tiền lãi cho anh T được số

tiền 50.000.000 đồng nhưng không làm giấy tờ gì, ngoài ra anh chưa trả cho anh T được số tiền nợ gốc và tiền lãi nào khác.

Nay anh đồng ý trả cho anh Ngô Văn T số tiền nợ gốc 2.000.000.000 đồng và tiền lãi như anh T yêu cầu.

Bị đơn chị Hồng Thị M trình bày:

Chị và anh Phạm Văn P là vợ, chồng và hiện nay đang chung sống với nhau.

Anh P vay 2.000.000.000 đồng của anh Ngô Văn T để trả khoản nợ chung của chị và anh P đã vay Ngân hàng trước đó nhưng do một mình anh P vay tiền của anh T nên một mình anh P có nghĩa vụ trả nợ cho anh T. Chị không vay tiền của anh T nên chị không đồng ý trả cho anh T số tiền nào.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành của những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của anh Ngô Văn T. Buộc anh Phạm Văn P và chị Hồng Thị M trả cho anh Ngô Văn T số tiền vay 2.000.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật khấu trừ 40.000.000 đồng tiền lãi anh P đã trả; anh T có nghĩa vụ trả cho anh P, chị M giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh P, chị M; Đình chỉ yêu cầu của anh T đối với anh P và chị M đối với số tiền 156.693.500 đồng; anh P và chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Ngô Văn T và chị Hồng Thị M là nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Phạm Văn P là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị M và anh P.

[2] Về nội dung: Anh Ngô Văn T yêu cầu anh Phạm Văn P và chị Hồng Thị M có nghĩa vụ trả cho anh số tiền vay 2.000.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 06-01-2019 đến ngày 18-11-2019 theo mức lãi suất 0,83%/ tháng X 2.000.000.000 đồng X 10

tháng 12 ngày là 172.639.500 đồng, khấu trừ 40.000.000 đồng anh P đã trả tiền lãi thì anh P phải trả cho anh là 132.639.500 đồng, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 2.132.639.500 đồng; anh T rút lại một phần yêu cầu so với đơn khởi kiện với số tiền 156.693.500 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Xét về tiền nợ gốc: Anh P thừa nhận ngày 06-01-2019, anh P ký giấy vay của anh T số tiền 2.000.000.000 đồng (BL số 28), mục đích vay để đáo hạn Ngân hàng, thời hạn vay là trong vòng 07 ngày kể từ ngày 06-01-2019. Đến nay thì anh P chưa trả cho anh T được số tiền nợ gốc nào. Do đó, xác định số tiền nợ gốc anh P còn nợ anh T là 2.000.000.000 đồng.

[2.2] Xét về tiền lãi: Anh P cho rằng giữa anh và anh T thỏa thuận lãi suất là vay 1.000.000.000 đồng, thì tiền lãi mỗi ngày là 5.000.000 đồng và anh đã trả cho anh T được số tiền lãi là 50.000.000 đồng, nhưng anh P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Anh T chỉ thừa nhận anh Phú đã trả tiền lãi cho anh T 02 lần với tổng số tiền là 40.000.000 đồng.

[2.3] Anh T yêu cầu yêu cầu anh P và chị M trả tiền lãi từ ngày 06-01-2019 đến ngày 18-11-2019 theo mức lãi suất 0,83%/ tháng X 2.000.000.000 đồng X 10 tháng 12 ngày khấu trừ 40.000.000 đồng tiền lãi anh P đã trả là 132.639.500 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy mức lãi suất anh T yêu cầu là 0,83%/ tháng phù hợp theo quy định tại Khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự (10%/ năm), tức là 0,83%/ tháng nên được chấp nhận.

[2.4] Chị M thừa nhận, chị biết anh P vay của anh T 2.000.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng, nhưng do một mình anh P vay tiền của anh T nên một mình anh P có nghĩa vụ trả nợ cho anh T. Chị không vay tiền của anh T nên chị không đồng ý trả cho anh T số tiền nào. Xét thấy, anh P và chị M là vợ, chồng và đang chung sống với nhau, anh P vay tiền của anh T nhằm mục đích để đáo hạn Ngân hàng là khoản nợ chung của vợ, chồng chị đã vay trước đó. Do đó, Hội đồng xét xử xác định số tiền 2.000.000.000 anh P vay của anh T là nợ chung của vợ, chồng anh P, chị M. Căn cứ, Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình buộc chị M cùng với anh P có nghĩa vụ trả nợ cho anh T là phù hợp.

[2.5] Anh T và anh P thống nhất là ngày 06-01-2019, anh P ký giấy vay 2.000.000.000 đồng thì anh P có đưa cho anh T 01 chứng minh nhân dân số 290578673, do Công an tỉnh Tây Ninh cấp ngày 07-8-2013 cho Phạm Văn P đứng tên, 01 sổ hộ khẩu đứng tên chủ hộ Phạm Văn P, hồ sơ sổ hộ khẩu số 110003128, 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 263012 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho anh Phạm Văn P, chị Hồng Thị M đứng tên ngày 07-12-2017, tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 63, diện tích 50.452,5 m^2, tọa lạc tại ấp Hội Ph, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, để anh T làm thủ tục đáo hạn Ngân hàng cho anh

P. Tại đơn xin xét xử vắng mặt và xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của anh T ngày 15-11-2019, anh T đồng ý trả lại các giấy tờ trên cho anh P, chị M nên ghi nhận.

[3] Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Văn T đối với anh Phạm Văn P và chị Hồng Thị M. Buộc anh Phạm Văn P và chị Hồng Thị M có nghĩa vụ trả cho anh Ngô Văn T số tiền nợ vay gốc 2.000.000.000 đồng và tiền lãi 132.639.500 đồng, tổng cộng là 2.132.639.500 đồng.

[4] Anh Ngô Văn T có nghĩa vụ trả cho anh Phạm Văn P và chị Hồng Thị M 01 chứng minh nhân dân số 290578673, do Công an tỉnh Tây Ninh cấp ngày 07-8-2013 cho Phạm Văn P đứng tên, 01 sổ hộ khẩu đứng tên chủ hộ Phạm Văn P, hồ sơ sổ hộ khẩu số 110003128, 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 263012 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho anh Phạm Văn P, chị Hồng Thị M đứng tên ngày 07-12-2017, tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 63, diện tích 50.452,5 m^2, tọa lạc tại ấp Hội Ph, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

[5] Ngày 15-11-2019, anh Ngô Văn T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện số tiền 156.693.500 đồng đối với anh Phạm Văn P và chị Hồng Thị M, nên đình chỉ phần rút lại yêu cầu này của anh T theo quy định tại điểm c, Khoản 1, Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Văn P và chị Hồng Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Anh Ngô Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 217, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Văn T về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" đối với anh Phạm Văn P và chị Hồng Thị M.

1.1. Buộc anh Phạm Văn P và chị Hồng Thị M trả cho anh Ngô Văn T số tiền vay 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) và tiền lãi 132.639.500 đồng (một trăm ba mươi hai triệu, sáu trăm ba mươi chín nghìn, năm trăm đồng). Tổng cộng 2.132.639.500 đồng (hai tỷ, một trăm ba mươi hai triệu, sáu trăm ba mươi chín nghìn, năm trăm đồng).

1.2. Anh Ngô Văn T có nghĩa vụ trả cho anh Phạm Văn P và chị Hồng Thị M 01 chứng minh nhân dân số 290578673, do Công an tỉnh Tây Ninh cấp ngày 07-8-2013 cho Phạm Văn P đứng tên, 01 sổ hộ khẩu đứng tên chủ hộ Phạm Văn P, hồ sơ sổ hộ

khẩu số 110003128, 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 263012 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho anh Phạm Văn P, chị Hồng Thị M đứng tên ngày 07-12-2017, tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 63, diện tích 50.452,5 m^2, tọa lạc tại ấp Hội Ph, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

2. Đình chỉ yêu cầu của anh Ngô Văn T đối với anh Phạm Văn P và chị Hồng Thị M đối với số tiền 156.693.500 đồng (một trăm năm mươi sáu triệu, sáu trăm chín mươi ba nghìn, năm trăm đồng). Anh Ngô Văn T có quyền khởi kiện lại yêu cầu đã rút theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày 19-11-2019 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Anh Phạm Văn P và chị Hồng Thị M phải chịu 74.652.500 đồng (bảy mươi bốn triệu, sáu trăm năm mươi hai nghìn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Anh Ngô Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho anh T 38.893.000 đồng (ba mươi tám triệu, tám trăm chín mươi ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0015751, ngày 20-8-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Đức Dũng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THADS huyện Tân Châu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;